

LUẬN A TỖ ĐẠT MA THUẬN CHÁNH LÝ

QUYỂN 58

Phẩm 6: NÓI VỀ HIỀN THÁNH (PHẦN 2)

Trong đây, bộ khác có nói thế này: Nhất định không có lạc thọ chân thật, mà chỉ là khổ.

Làm sao biết như vậy? Vì lý, giáo. Do những lý nào? Do khổ sau tăng. Nghĩa là đối với tất cả sự việc tạo tác và trong oai nghi, nếu hành tập trụ lâu thì đều được tăng trưởng về sau. Theo lý, tất nhiên không có hành tập trụ nhân vui lâu ngày mà sau đó lại tăng trưởng khổ. Cho nên biết chắc chắn không có lạc thọ chân thật.

Lại, vì ở sinh tử có hành động tạo tác, mà có hành động tạo tác là có pháp sinh tử. Thân có mọi sinh hoạt tắm gội, uống ăn v.v... tâm có nghiệp phân biệt cảnh v.v.... sự nghiệp đeo đuổi, ép ngặt, không hề yên ổn, nên trong sinh tử đều là khổ. Lại do khổ nhỏ nhiệm, tiềm ẩn; còn vui thì nổi trội hơn. Nghĩa là khổ do muối, rận v.v... đã sinh khổ nhỏ nhiệm hiện ở trước mắt chỉ là một ít; còn lực của nhân vui như tắm, gội, thoa hương, uống ăn, ngủ v.v... thì rộng lớn, đã sinh cảm nhận vui trội hơn, có khả năng khuất phục, khiến không thấy khổ kia hiện tiền. Cho nên, uẩn hữu lậu chỉ là tánh khổ. Lại nữa, trong khi đối trị khổ nặng ép bức, phàm phu ngu si đã khởi vui tăng thượng mạn. Nghĩa là nếu khi chưa gặp cảnh đối, khát, lạnh, nóng, mệt mỏi, các khổ như thế v.v... ép ngặt, ở trong chủ thể trị, không sinh cảm giác vui; cảm giác vui này chỉ do đối trị khổ mà sinh chứ không phải duyên với vui sinh. Cho nên không có vui thật. Hơn nữa, khi các khổ thay đổi, cởi bỏ thì ở vị trí này, hữu tình thế gian có cảm giác vui sinh. Do nghĩa như thế, nên có tụng rằng:

*Như đối vai gánh nặng
Và mệt nhọc nghỉ ngơi
Thế gian do khổ này
Thoát khổ kia cũng thế.*

Vì thế, người ngu đối với nỗi đắng cay, có cảm giác vui sinh, thực sự không có niềm vui.

Do những giáo nào?

Như Đức Thế Tôn nói: tất cả các thọ hiện có đều là khổ. Lại, Khế kinh nói: Lúc sinh này, sinh khổ, lúc diệt này diệt khổ.

Lại, Khế kinh nói: Đối với khổ cho là vui, gọi là tưởng điên đảo v.v....

Lại, Khế kinh nói: Ông nên dùng khổ để quán lạc thọ. Đây là quan điểm của Tông khác. Các sư Đối pháp thì cho rằng: nhất định có niềm vui thật.

Làm sao biết thế? Vì nhân sinh khổ, vui, có công năng khác nhau, thể thật có khác nhau; cũng như tham, giận. Vì hiện thấy nhân sinh tham, giận đều riêng, nhân đã riêng sinh, công năng lại khác. Vì công năng khác, nên thể riêng cực thành. Nhân sinh ra khổ, vui, cũng có khác. Thế gian hiện thấy đại chủng trái nhau, ấy là có sinh khổ; còn điều hòa ấy là sinh vui. Nhân riêng sinh rồi, công năng cũng khác: khổ công năng tổn hại, vui công năng thâm nhiếp tăng ích. Vì nhân sinh, công năng thấy có riêng, nên chắc chắn biết ngoài khổ, thật sự có thể vui.

Ở đây, Thượng tọa bộ cũng nói thế này: Mặc dù hiện tại chẳng phải không có vị nhiếp ích thọ, nhưng đối với loại khổ, chưa vượt qua được, do pháp hữu lậu chỉ là nhân khổ, nên thọ trong sinh tử chỉ là khổ.

Giải thích này cũng phi lý. Vì sao? Vì lời nói trái nhau, vì chỉ lập tông, vì trở thành phi ái, vì không cực thành.

Nói trái nhau, nghĩa là nếu chẳng phải không có vị nhiếp ích thọ, thì không nên chỉ có khổ. Nếu nói chỉ khổ, thì không nên thâm nhiếp ích, về lý, chỉ nên nói: Vị thọ khổ phẩm hạ, có ít, tổn hại, không chấp nhận nhiếp ích.

Chỉ lập tông. Nghĩa là Thượng tọa bộ kia chỉ nói là chưa vượt qua loại khổ rồi, không nói nhân. Lấy gì chứng minh ở vị nhiếp thọ ích đối với loại khổ thọ chưa vượt qua được?

Trở thành phi ái. Nghĩa là trong tông kia, chấp tín và tham, không vượt qua loại tư, tức là hai thể kia lẽ ra thành một, hai phẩm nhiễm, tịnh, xen lẫn với nhau, sự giải thoát lẽ ra không có, thành lỗi phi ái. Nhiễm, tịnh kia đã không có lẫn lộn, thì sự giải thoát này lẽ ra cũng như thế. Loại thọ dù đồng, nhưng khổ, vui có khác.

Không cực thành, nghĩa là lạc thọ trong sinh tử, chắc chắn đều cực thành. Thế thì hữu lậu, cũng là nhân vui, vì tông ta thừa nhận có lạc thọ,

sao có thể nói các pháp hữu lậu chỉ làm nhân khổ, để chứng minh vui là khổ? Do đó, Thượng tọa bộ kia có lời mà không có nghĩa.

Lại, nên quyết định có lạc thọ thật khác với khổ thọ, vì khổ và vui, có tướng ái, phi ái khác nhau. Nếu cho rằng lạc thọ tánh đáng yêu không thành, vì khi lìa nhiễm, lại thành phi ái thì giải thích này cũng phi lý. Vì khi lìa nhiễm, do môn khác quán làm phi ái. Không phải quán hành, nghĩa là quán bên tánh vui, dùng làm phi ái, chỉ dùng tướng khác để nhằm chán lạc thọ (như về sau sẽ nói).

Lại, lìa khổ, thật sự có lạc thọ, vì trong Khế kinh, Phật nói có. Như Khế kinh nói thọ có ba thứ, đó là vui khổ, và không khổ, không vui. Tự tánh khổ thọ, thật sự đều khổ thì Đức Phật nói ba thọ có lợi ích nào? Nếu cho rằng Đức Thế Tôn vì thuận theo thế gian nên nói, nghĩa là đối với thế gian có khổ hạ, thượng, và trung, như thứ tự đó, khởi giác lạc v.v... Đức Thế Tôn thuận theo đó mà nói ba thọ: Vui v.v... về lý cũng không đúng, vì không phải cực thành, nghĩa là thọ thứ ba, thế gian không cực thành. Sao Đức Thế Tôn thuận theo thế gian nói có? Cho nên, nói ba thọ, chỉ dựa vào chân kiến. Lại, đối với quán lạc thọ, vì thuyết nói “như thật”, vì thế không nên thuận theo thế gian nói có ba thọ, không phải khổ thọ phẩm hạ, mà như thật là vui.

Lại, vì vui cũng có ba phẩm như phẩm hạ v.v... vì thế, không nên nói vui chỉ là khổ phẩm hạ. Lại, không phải phước chiêu cảm quả ái, nghĩa là không phải phước nghiệp thừa nhận có ba phẩm, phẩm hạ chiêu cảm quả khổ thọ phẩm hạ. Ông nói thể của khổ phẩm hạ tức là vui. Chẳng lẽ không là phi phước, nên chiêu cảm quả ái hay sao.

Lại, như khi như khổ trở thành phẩm hạ, như thế, như thế trở thành niềm vui phẩm thượng. Phi phước phẩm hạ đã cảm các khổ phẩm hạ. Các khổ phẩm hạ của tông ông tức là vui phẩm thượng. Chẳng lẽ không phải nhân phẩm hạ chiêu cảm quả phẩm thượng hay sao? Ấy là trái với lý cảm ứng của nhân quả.

Lại, như khi như khổ, trở thành phẩm hạ hạ, như thế niềm vui như thế, trở thành phẩm thượng thượng, tức là phi phước của phẩm hạ hạ làm nhân, chiêu cảm lạc thọ phẩm thượng thượng làm quả. Ai lại vì việc thiện lập ra công dụng lớn.

Lại, phước, phi phước đều có chín phẩm, làm sao phi phước phẩm hạ hạ làm nhân, hay cảm lạc thọ phẩm thượng thượng làm quả. Lại, phước thượng thượng, phi phước phẩm hạ hạ, đồng cảm khổ thọ hạ hạ làm quả, thì phước, phi phước, lẽ ra không có sai khác. Đối với tám phẩm khác, cách gạn hỏi, vấn nạn cũng như thế. Lại, một quả được cảm

do hai nhân. Hoặc nên thừa nhận phước, tức là phi phước, thế là trái bỏ chí giáo của Như Lai.

Lại, ba định dưới, thừa nhận có lạc thọ, địa trên chỉ có không khổ, không vui, thì có ai đã biết khổ thọ hạ hạ trong địa trên lại, lập ra sự nhọc mệt cần cù lớn, chán dưới, ưa thích trên.

Lại, định thù thắng dần mà chấp khổ tăng dần, ở trong phi lý, đâu lại có lỗi này?

Lại, nếu khổ hạ, tức gọi là vui, thì lạc thọ lãnh nạp không mạnh mẽ, nhạy bén, về lý không phải thọ phẩm hạ lãnh nạp rõ ràng, chấp trong rõ ràng phẩm hạ mà trái với mê muội.

Ai là người có trí có khả năng chấp nhận chấp này? Nên biết ngoài khổ, thật sự có lạc thọ.

Lại, người kia chấp nhận khởi lỗi của chấp khác, nghĩa là nếu khổ, vui không có tự thể khác nhau, thì sẽ chấp khác lại khởi chấp khác, chỉ thừa nhận đáng yêu trong vị chia lìa, đối với lạc thọ không khởi cảm giác khổ, không khổ thọ riêng, gọi là lỗi chấp khác. Hoặc chấp nhận có chấp chỉ có lạc thọ, là có chân thật, thọ khác, thật ra không có, chỉ ở vị thượng, hạ, trung của lạc thọ, như thứ lớp lập làm ba thọ như lạc v.v... Chấp kia với chấp này, vì về lý không có khác nhau, nên như Thượng tọa bộ kia chỉ do sức tự phân biệt chấp chỉ có khổ.

Căn cứ phẩm lập ba, ở đây lẽ ra cũng như thế, nên cách giải thích của Thượng tọa bộ kia không tốt.

Lại, khổ, lạc, thọ nhất định thật có khác nhau nói sáu xứ xúc, vì trời, thế gian và Na-lạc-ca có sai khác. Nghĩa là Khế kinh nói: Bí-sô phải biết! Có sáu xứ xúc, gọi là trời, thế gian. Nếu các hữu tình được sinh xứ đó, thì sắc mà mắt thấy, hoàn toàn vừa ý, Ở xứ ấy, đều không có sắc không vừa ý. Nói rộng cho đến: Do nhân duyên này, xứ kia hoàn toàn thọ hưởng các hỷ lạc. Có sáu xứ xúc, gọi Na-lạc-ca, trái với xứ trên, cũng nên nói rộng.

Khổ phẩm hạ, gọi là vui, như trước đã ngăn dứt, nên không thể nói giả nói hỷ lạc. Nếu không có thật vui, thì kinh chỉ nên nói: Trời, thế gian chỉ khổ phẩm hạ, Na-lạc-ca chỉ khổ phẩm thượng. Lại, thường nói là “hoàn toàn”, nên thành lời vô dụng, nghĩa là trước đã nói: Hoàn toàn vừa ý. Sau nói: Hoàn toàn thọ hưởng các hỷ lạc. Nếu đối khổ phẩm hạ, giả đặt tên vui, thì trong một thọ, sẽ có khổ, có vui, sao có thể nói là hoàn toàn vui? Nên chấp của Thượng tọa kia không đúng với chánh lý.

Lại, Khế kinh nói: “Như thật”, nên chứng biết quyết định thật có

lạc thọ, như Khế kinh nói: “Khi thọ nhận lạc thọ, biết rõ như thật thọ nhận lạc thọ”, khổ chẳng phải hai thọ, cũng nói như thế.

Lại, như kinh nói: tất cả lạc căn, hỷ căn hiện có, nên biết hai căn này đều là lạc thọ, cho đến nói rộng. Lại, nói thế này: Nếu dùng chánh tuệ, quán thấy như thật năm căn như thế, dứt hẳn ba kết, cho đến nói rộng. Nếu thọ chỉ khổ, thì sao lại có thể nói biết rõ như thật đây là lạc thọ? Nên biết được tự tướng của lạc thọ là vui. Nhưng Thượng tọa bộ kia nói: Vì nổi khổ sau tăng, nên không có thật vui ấy. Lý đó không đúng, vì nhân vui, khổ, không phải chỉ cảnh, nghĩa là ta đã không thừa nhận chỉ có sức ngoại cảnh, có công năng sinh khổ, vui. Nếu chỉ có cảnh, thì đầu tiên với sự nghiệp, lúc hợp với oai nghi, nên phát sinh khổ thọ tăng thượng, nghĩa là do cảnh này, ở vào thời gian sau cùng, sẽ làm duyên phát sinh khổ thọ tăng thượng. Thời gian ban đầu, đã hợp với cảnh như thế, nếu chỉ có sức của cảnh sinh khổ, vui thì khi cảnh vừa hợp, nên sinh ra khổ phẩm thượng.

Đã không đúng, nên biết quán thân ở vị nối tiếp nhau chuyển biến sai khác, ngoại cảnh mới tạo ra nhân sinh khổ, vui, nghĩa là đến phần vị đối tượng nương tựa như thế, sự tiếp xúc lạnh, nóng v.v... có công năng làm nhân vui, không có đến thời gian này, không phải lý của nhân vui, làm nhân sinh khổ, về lý lẽ ra cũng như thế, nên quán nhân riêng, ấy là khiến cảnh ngoài, vì khổ, vui, thọ đều có nhân sinh riêng. Thế nên, không nên do sự nghiệp v.v... khổ sau sinh tăng thượng bèn bác bỏ không có vui thật. Hiện thấy đất, nước, phân v.v... thế gian v.v... quán phần vị nối tiếp nhau như hạt giống, mầm v.v... chuyển biến sai khác thành nhân sinh các quả của mầm, lá v.v...

Vì sao các oai nghi v.v... của thời gian sau, mới có công năng sinh khổ, không phải ở thời gian đầu? Do trải qua thời gian lâu, thân tâm nhọc mệt, trong thân, bèn có đại chủng khác sinh. Do thời gian sau này mới sinh khổ thọ, vì các cảnh ngoài, phải đợi nhân riêng, mới có công năng làm nhân sinh khổ, lạc, thọ, nên nhân sinh khổ, vui chẳng phải không nhất định, cũng không thể vì thời gian sau, nổi khổ tăng, bèn cho thời gian đầu đã sinh khổ thọ. Nếu khi thấy oai nghi v.v... dẫn khởi sinh, bèn cho rằng thời gian đầu kia đã sinh khổ thọ. Nếu nhận thấy oai nghi sau v.v... dẫn khởi sinh, ấy là thời gian đầu kia đã sinh khổ thọ. Nhận thấy vị phàm phu sau, có niềm vui Thánh sinh, lẽ ra chấp thời gian trước đã sinh niềm vui của bậc Thánh. Trong đây, cũng có thể tạo ra lối chấp như thế. Trước, vì có niềm vui bậc Thánh nhỏ nhiệm, nên không biết, thời gian sau, tăng dần mới giác biết là có, thì sẽ có lỗi là rất ráo không

có phàm phu.

Nếu cho rằng không thể do nhân vui của tập trụ khiến cho về sau khổ tăng dần, nên biết quyết định không thật có lạc thọ đã thế nếu có nhân vui tập trụ mà ở thời gian sau, khổ không tăng. Như ba Tĩnh lự dưới nên, thật có lạc thọ. Nếu trong ba định, cũng không có thật vui, thì không nên nói khổ sau tăng. Thì biết chắc chắn, không có lạc thọ chân thật, điều này không phải rất ráo.

Trong Khế kinh nói: Tĩnh lự Vô sắc cũng gọi là có khổ, không phải do Tĩnh lự kia có tánh tổn hại. Lại, khi quán lỗi địa dưới, được là nhiễm, chẳng phải tất nhiên do quán làm tánh tổn hại, mà quán làm chướng thô, cũng vẫn được là nhiễm.

Lại, không phải chỉ chán địa dưới là nhân là nhiễm. Vui công đức ở địa trên, cũng là nhân là nhiễm, nghĩa là công đức của các địa trên ngày càng tăng dần, vui công đức ấy cũng có khả năng là nhiễm của địa dưới, vì thế không nên nói là địa trên kia khổ. Nếu không có thế gian, đạo không nên là nhiễm thế gian. Đã hoặc có xứ có quyết định nhân vui, nên trong hữu lậu có tự tướng vui.

Thế nên, thuyết kia nói: Vì khổ sau tăng, không có vui thật, tức không phải Nhân như lý. Nói ở sinh tử có hành động, tạo tác nên thọ chỉ có khổ thì, về lý cũng không đúng. Vì Thánh đạo lẽ ra cũng có hành động tạo tác, nghĩa là nếu tác động của lạc thọ làm trước, sau đó, sẽ đạt được gọi là có tác động, Thánh đạo cũng dùng siêng năng, mạnh mẽ làm trước, sau đó chứng đắc, nên có tác động. Nếu do lạc thọ có duyên nương dựa, thì Thánh đạo cũng như thế, thì có tác động, tức đạo để lẽ ra cũng là khổ? Nhưng không phải đều được thừa nhận, vì trước đã nói. Lại, trong luận kia, trước đã thừa nhận các pháp đều không có tác động, sau nói vì sinh tử có tác động, nên đều không có niềm vui. Vậy thì, luận thuyết kia trước sau trái nhau, nên nhân được lập không có sức để có thể minh chứng. Nói do khổ nhỏ nhiễm mà chế phục niềm vui, nên biết không có vui ấy, về lý, cũng không đúng. Vì xem xét chờ đợi nhân như trước đã nói. Nghĩa là trước đã nói cảnh làm nhân vui, phải đợi sự sai khác của đại chủng, đối tượng nương tựa, nên muối, rắn v.v... đúng là hại thân, mà không phải công năng làm nhân giúp đỡ tầm gọi v.v... sinh ra lạc thọ, không nên bấy giờ vì chỉ thọ khổ, nên bác bỏ không có vui, vì có khi giúp đỡ nhân sinh ra vui. Nếu uẩn hữu lậu chỉ là tánh khổ, nên khi tầm, gọi, thường sinh khổ, chứ không cảm thấy vui, do thân đôi khi đợi duyên cảm thấy khổ, có lúc lại đợi duyên khác thì sinh vui, nên biết nhân duyên khổ, vui là quyết định. Vì nhân duyên quyết định, nên

tất nhiên có tự thể riêng. Nếu cho rằng vì sao, lúc chưa xả thân v.v... dù, hòa hợp với nhân vui thoa mùi hương v.v... mà không sinh niềm vui, chỉ sinh khổ thọ, khi hòa hợp với nhân vui: Thoa hương v.v..., nếu hợp với nhân khổ: Muối, rận v.v... bèn không cảm thấy vui, chuyển sinh khổ thọ. Điều này như cách giải thích trước, nghĩa là thấy có xứ sở, có nhân vui, chỉ là sinh vui, không hề sinh khổ, như ba tỉnh lỵ, vì ở cõi Dục khổ tham đắm, lạc yếu, nên gặp duyên vui, không thể đoạt khổ. Nhưng hoặc có vị nhân khổ sinh vui, nghĩa là thấy thế gian tăng thêm vị khổ, nghĩa là do thường tập v.v... đối với vị khổ kia, sinh hơn hở vui. Lại, thấy thế gian thiêu đốt sắt, đá v.v... đầu tiên, tiếp xúc thân phần có thể làm nhân vui.

Nếu vậy, về sau, thường tập quen đến gần đốt sắt đá kia, đâu thể do lửa kia, lại sinh ra khổ? Ở trước, ta nói cảnh là nhân khổ, vui, phải là đời sự phần vị đối tượng nương tựa mà có sai khác. Về nghĩa đó đã rõ rệt, sao lại gạn hỏi, vấn nạn? Hoặc vì khổ với chủng loại vui có khác, nên khi khổ kia sinh, pháp như thế sai khác, không nên đối với tướng này, so sánh, tìm kiếm, gạn hỏi. Cho nên, uẩn hữu lậu không phải đều là tánh khổ. Khế kinh nói: Phật bảo Đại Danh! Nếu sắc hoàn toàn là khổ, không tùy theo của vui, không bị vui tùy theo, nói rộng cho đến ... hữu tình đối với sắc, không nên sinh nhiễm.

Nói ở trong đối trị với khổ nặng ép ngặt, người ngu vì khởi vui tăng thượng mạn nên không có vui thật, về lý cũng không đúng. Vì môn đối trị vì chứng có vui, nghĩa là vì không có pháp kia, mà cầu pháp này, tức pháp có thật, làm đối trị pháp kia vì không có khổ. Khởi phương tiện cao quý mà cầu vui, thì có vui thật, chủ thể đối trị khổ, trái với lý nào? Lại, khổ, trước trừ, sau nhập ba định, giác vui của ba định đối trị với khổ nào sinh? Lại, nhân cảnh tiếng, mùi hương thù thắng, khởi niềm vui tăng thượng, đối trị với nỗi khổ nào sinh? Nên nhân được lập của Thượng tọa bộ kia không thể ngăn dứt vui có thật. Nói ở trong vị trí các khổ dễ giải thoát, hữu tình thế gian vì giác vui sinh, nên không có vui thật, về lý, cũng không đúng. Vì trước đã nói, trước đã nói thế nào? Nghĩa là vì nhân khổ, vui không phải chỉ cảnh. Nếu chỉ cảnh, thì khi gánh đầu tiên, vai liền sinh khổ thọ tăng thượng. Vì đã không đúng, nên khi đổi vai, gánh được xem là phần vị sai khác của đối tượng nương tựa, cho đến chưa diệt, có thể làm nhân vui, cũng không nên nói các hạng người ngu đối với các khổ mới khởi, có giác vui sinh. Lúc đầu tiên, bị roi đánh v.v... nên sinh cảm giác vui. Hiện nhận thấy khổ kia cũng có nặng, nhẹ. Đầu tiên, lúc cảm thọ nhẹ, nên sinh cảm giác vui. Hoặc Thượng

tọa bộ kia nên nói: Do nhân duyên gì gánh nặng ở trên vai lâu, không thay đổi, cởi bỏ liền sinh khổ nặng, đầu tiên thay đổi không đúng. Về lý, không nên nói chỉ gánh nặng này. Ở phần vị chưa đổi vai làm duyên khổ nặng, khi đổi vai, ấy là sinh khổ nhẹ. Duyên đã là một thì khổ làm sao có nặng, nhẹ? Do đó chứng biết, có đối tượng riêng chờ đợi. Sự sai khác của vị thân làm nhân của khổ, vui, nên trong sinh tử có ít vui thật. Nhưng Đức Thế Tôn nói tất cả các thọ đều khổ, cũng không trái nhau. Trong kinh, Đức Phật tự giải thích, nghĩa là như Tôn giả Khánh Hỷ hỏi Đức Thế Tôn: Phật ở kinh khác nói có ba thọ, nghĩa là vui, khổ, bất khổ, và bất lạc. Dựa vào mật ý nào, kinh này lại nói: tất cả các thọ đều là khổ?

Đức Phật nói: Khánh Hỷ! Ta căn cứ các hành đều là vô thường. Và, các hữu vi đều là biến đổi, hủy hoại. Bí mật nói rằng: tất cả “Các thọ không có thọ nào chẳng phải là khổ”, nên biết kinh này căn cứ ở hai khổ để nói, không căn cứ ở khổ khổ để nói nói đều là khổ.

Do đó, nhất định biết thật có ba thọ, tức Tôn giả kia không hỏi Phật: Căn cứ ở mật ý nào để nói có ba thọ? Đức Phật cũng không nói: “Ta mật ý nói ba”, mà chỉ nói: Mật ý, ta nói đều khổ.

Đã nói đều khổ, là nói mật ý. Vì không phải liễu nghĩa, nên không thể làm chỗ dựa? Thế sao tức nhờ nương vào đây để bát không có niềm vui thật!

Lại, Khế kinh nói: “Lúc sinh này, khổ sinh, lúc diệt này, khổ diệt”, cũng không trái nhau. Pháp hữu lậu tùy theo chỗ thích ứng với tánh của ba khổ, vì hợp, như thể của sắc tướng v.v... dù không phải khổ, cũng như khổ thọ, nhưng nói là khổ.

Như thế, thể của vui v.v... dù không phải khổ, nhưng cũng như khổ thọ, nói là khổ, đâu có trái? Hoặc các hữu lậu đều thuộc về khổ để căn cứ vào lý như thế để nói, cũng không có trái. Há không do đó, tức chứng minh không có vui? Không đúng, trước đã nói không phải khổ, nói là khổ, nghĩa là như sắc v.v... không phải khổ, nói là khổ, vui v.v... cũng như thế, không phải khổ, nói khổ.

Nếu vậy, khi quán thuộc về lạc khổ để, sao không thành tác ý diên đảo?

Vấn đề này, trước đây đã nói, trước đã nói ra sao?

Nghĩa là, vì tánh khổ hoại, khổ hành, nên y cứ vào nghĩa như thế, nên có bài tụng rằng:

Chư Phật, Chánh biến giác

Biết các hành vô thường

*Và hữu vi biến hoại
Nên nói thọ đều khổ.*

Nhưng vui hữu lậu khó thành, mà dễ hoại. Hành giả chán tai họa, quán hữu lậu đó là khổ, không do lạc thọ, là tánh khổ. Nghĩa là khổ dễ thành, tùy theo muốn bèn được, như tạm nín thở, sinh ra khổ thọ cùng cực, nhưng rất khó hoại, vì muốn khiến diệt, thì thường phải dụng công khổ nhọc, mà cũng còn nối tiếp nhau trụ. Niềm vui thì không đứng, dù phần nhiều thiết lập khổ nhọc, nhưng vẫn khó khiến chúng hiện ở trước và trụ lại lâu. Cho nên, người tu hành ở trong lạc thọ, sinh nhằm chán cùng cực tai hại, quán chúng là khổ. Do đó thọ vui cũng thuộc khổ để, nên không thể dùng lời nói trong Khế kinh: “Lúc sinh nầy khổ sinh, lúc diệt nầy khổ diệt”, nên nhất định không bác bỏ tự tánh lạc thọ.

Lại, Khế kinh nói: “Đối với khổ cho là vui, gọi là điên đảo”, nghĩa là cũng không trái nhau, hoàn toàn cho là vui, vì trở thành điên đảo, nghĩa là vui hữu lậu, về lý cũng gọi là khổ. Vì vui lúc sinh trụ, vì khổ khi hư hoại, nên tánh là thuộc về khổ hành vô thường. Hoàn toàn, nghĩa là vui sao không phải điên đảo.

Lại, các người ngu do năng lực của kiến thủ, bị lửa phiền não đốt cháy cùng khắp, trong hành hữu lậu, chấp đức vắng lặng, nên đối với khổ, chấp vui, thành tướng điên đảo v.v...

Nếu cho rằng tướng nầy, như tướng thường, ngã v.v.... Đối với hoàn toàn khổ, chấp vui thành đảo. Về lý cũng không đúng. Vì ngăn dứt uẩn sắc v.v... hoàn toàn là khổ.

Vì Khế kinh nói nên vì do đó, nên trước đây, ta đã thừa nhận hoàn toàn và phần tăng ích, đều bị gọi là điên đảo. Cho nên, không phải do đó, lý không có vui được thành.

Lại, Khế kinh nói: “Ông nên dùng khổ để quán lạc thọ”, về lý, cũng không trái, tức do Khế kinh nầy có vui được thành. Nghĩa là kinh nầy nói: Bí-sô các thầy nên dùng mũi tên độc để quán khổ thọ, nên dùng khổ để quán lạc thọ, nên dùng vô thường để quán không phải hai thọ. Nếu cho rằng ba thọ chỉ một tánh khổ. Đức Phật không nên khuyên quán sai khác. Vì đã khuyên quán riêng, nên biết tánh khác. Thể của khổ thọ trong đây không phải mũi tên độc, nhưng vì sự não hại giống như mũi tên độc, nên khuyên quán khổ, giống như mũi tên độc.

Như thế, thể của lạc thọ không phải tánh khổ, vì là vui. Do sẽ biến đổi, hư hoại, mặc dù thể là vui, nhưng khuyên quán như khổ. Sau khi biến đổi, hư hoại thì sẽ khổ, như khi ném cái chén chưa rơi xuống đất, dù thể nó vẫn còn hoàn toàn mà đã nói là hoại, không phải khổ thọ, lạc

thọ, cũng không phải tánh vô thường, là thọ. Do sẽ bị diệt, dù không phải tánh vô thường, mà khuyên quán như vô thường, sinh rồi, về sau sẽ diệt. Lại, vì tướng vô thường luôn theo đuổi, vì không phải hai thọ có thể dẫn dắt sự ngu si. Vì si, nên đối với nhiều kiếp đã hoại, chấp là thường trụ và ngã, ngã sở, vì muốn trái với kiến ngã, thường kia, nên khuyên dùng vô thường để quán không phải hai thọ. Nay, thấy rõ ràng ý kinh khuyên quán như thế là khiến cho ở pháp ba cõi khởi gia hạnh lìa nhiễm. Nghĩa là trước hết, dùng mũi tên độc quán về khổ thọ, tức khởi gia hạnh lìa nhiễm đối với pháp cõi Dục vì khổ thọ trong cõi Dục nhiều. Kế nên dùng khổ để quán lạc thọ, nghĩa là đối với pháp cõi Sắc, khởi gia hạnh lìa nhiễm, vì trong cõi Sắc, lạc thọ là hơn, vì lạc là căn bản ưa thích sinh tử. Đối với lạc thọ, Đức Phật khuyên chúng ta quán là khổ, nhưng tự tánh các lạc thọ là vui vì công năng gồm thu lợi ích, cũng được gọi khổ, vì là pháp vô thường biến đổi, hư hoại.

Khi quán là vui có khả năng bị ràng buộc, vì ưa thích pháp vui là căn bản của sinh tử. Khi quán là khổ, có công năng khiến cho giải thoát, vì nhằm chán pháp khổ, có công năng vượt qua sinh tử.

Đức Phật do quán khổ mà được giải thoát, nên ngài khuyên hữu tình nên quán vui là khổ. Về sau, nên dùng vô thường quán không phải hai thọ. Nghĩa là đối với pháp Vô sắc, khởi gia hạnh lìa nhiễm, vì thời gian sống lâu của Vô sắc rất lâu dài, nên e loại hữu tình sẽ chấp đó là thường. Vì thế, nên Phật khuyên quán vô thường như giả mượn dụng cụ trang sức.

Thế nên, biết Đức Phật khuyên quán như thế là vì muốn cho hữu tình đối với pháp ba cõi khởi gia hạnh lìa nhiễm, do vậy, không thể dẫn lời Phật khuyên ở đây để bác bỏ không có lạc thọ. Do đó, lạc thọ, quyết định ở trong sinh tử, thật có nguồn gốc không thể nghiêng động. Luận về bên cạnh đã rồi, nên lại biện luận phần chánh.

Như thế là đã nói trong bốn Thánh đế có bao nhiêu đế là thế tục? Bao nhiêu đế là Thắng nghĩa?

Trong đây một loại, nói như thế này: Hai là thế tục, hai là Thắng nghĩa. Có một loại nói ba là thế tục, vì hữu vi đều là pháp mất mát.

Có thuyết nói: Hai đế, căn cứ giáo, có khác, nghĩa là các thuyết nói về Bồ-đặc-già-la, thành, vườn rừng v.v... tương ứng nói giáo, đều thuộc về thế tục. Ở đây, vì chỉ rõ thật nghĩa làm trước, không phải xuất phát từ lừa dối người khác, tác ý dẫn khởi, nên gọi là đế. Các hữu nói rộng về uẩn, xứ, giới v.v... tương ứng với ngôn giáo, đều thuộc về Thắng nghĩa. Đây vì giải thích thật tướng các pháp, phá trừ các tướng

hữu tình nhất hợp v.v... là chủ thể giải thích chân lý, nên gọi là đế.

Giáo pháp bốn đế này, có công năng khiến hữu tình chứng lý chân thật, nên thuộc về Thắng nghĩa.

Trong đây, Thượng tọa bộ nói như thế này: Ba đế đều chung cả thế tục, thắng nghĩa, nghĩa là một khổ đế giả là thế tục, căn cứ ở vật thật, gọi là thắng nghĩa. Tập đế, đạo đế, so sánh lẽ ra cũng như thế, chỉ thế diệt đế vì không thể nói, nên đồng với các vô ký, không thể nói là có. Như Khế kinh nói: Nhân giả Khánh Hỷ! Xứ sáu xúc tận, ly, diệt, tĩn, mất, có khác, không khác, đều không thể luận nói. Ông muốn luận nói chẳng? Cho đến nói rộng.

Nay, biết rõ tông nghĩa mà Thượng tọa bộ đã nói, trái với tướng thế tục, thắng nghĩa đế.

Hai đế như thế, tướng chúng thế nào? Tụng rằng:

Giác kia phá nên không

Tuệ phân tích cũng thế

Như thế tục, nước, bình

Khác đây, gọi thắng nghĩa.

Luận nói: Các vật hòa hợp tùy theo đối tượng thích ứng với vật đó, gồm có hai thứ tánh loại sai khác:

1. Có thể lấy vật phá thành phần nhỏ.
2. Có thể dùng tuệ phân tích loại trừ pháp khác.

Nghĩa là tạm thời đối với các tụ sắc hòa hợp phá thành phần nhỏ thì cái biết (giác) về tụ ấy sẽ không còn, gọi là thế tục đế, cũng như chiếc bình v.v... Không phải khi đập vỡ chiếc bình v.v... thành ngói vụn v.v... lại có thể ở trong đồng ngói đó sinh ra cái biết về bình v.v... Có tụ hòa hợp dù vỡ tan thành nhiều mảnh vụn, nhưng cái biết kia chẳng phải không có, cũng như nước v.v... Nếu dùng thắng tuệ phân tích loại trừ pháp khác, cái biết kia mới không có. Cũng như thế tục đế, không phải khi nước v.v... bị tuệ phân tích, loại bỏ sắc v.v... lại có thể ở trong đó, sinh cái biết về nước v.v... Đối với vật thể kia, khi chưa phá vỡ, phân tích, dùng danh tướng thế gian thiết lập, vì thế gian kia thiết lập có, nên gọi là thế tục. Căn cứ lý thế tục, nói là có bình v.v... là thật chứ không phải giả, gọi thế tục đế. Vì như lý thế tục, nói là có. Nếu vật khác với đây gọi thắng nghĩa đế. Nghĩa là vật kia tuy bị tan vỡ, như cái biết về vật ấy không là không có và tuệ phân tích loại trừ các pháp còn lại, cái biết vật kia vẫn có; gọi đó là Thắng nghĩa đế. Cũng như sắc v.v... vật thể như sắc v.v... được nghiền nát thành nhiều phần nhỏ, phá nhỏ dần cho đến cực vi. Hoặc dùng thắng tuệ phân tích loại trừ vị v.v... thì cái

biết sắc v.v... kia như vốn thường tồn tại. Thọ v.v.... cũng như thế, nhưng không phải sắc pháp, vì không có phần tế, nên không thể nghiền nát vật thể kia, dùng làm phần tế, cho đến cực vi. Nhưng có thể dùng tuệ phân tích đến sát-na. Hoặc có thể phân tích, loại trừ pháp tướng v.v... khác, thì cái biết thọ v.v... kia như vốn thường tồn tại. Vì có chân thật này, nên gọi là Thắng nghĩa, vì thể của nó tất cả thời gian thường có. Căn cứ ở lý Thắng nghĩa, nói là có sắc v.v... là thật, không phải giả, gọi Thắng nghĩa đế. Vì như lý Thắng nghĩa, nói là có.

Do tông nghĩa mà Thượng tọa bộ kia đã nói, trái với tướng hai đế đã lập ở đây, vì thế không đúng với chánh lý.

Vả lại, Thượng tọa bộ kia nói, nghĩa là một khổ đế giả là thế tục, đặc biệt trái với chánh lý. Vì sao? Vì không phải đối với khổ đế, có thể dùng uẩn v.v... phân tích dần dần, cho đến cực vi. Hoặc một sát-na, khiến xả biết khổ, dùng phân tích cho đến sát-na cực vi, vì mỗi sát-na thường hợp với tướng khổ.

Sao có thể biện luận, như bình, nước v.v...?

Đối với vật thể, đối tượng nương tựa khi chưa đập vỡ, phân tích thì giả lập có, được gọi là thế tục đế. Lại, như giới, pháp xúc, khổ đế lẽ ra cũng như thế. Nghĩa là Thượng tọa bộ kia gọi uẩn chỉ thế tục. Vật thật đối tượng nương tựa mới là thắng nghĩa, xứ cũng vậy, giới chỉ Thắng nghĩa. Há không là giới pháp xúc cũng dựa vào nhiều mà lập một, về lý nên như uẩn là thế tục có nương tựa vật thật mới là Thắng nghĩa, thì phải thừa nhận thể của giới gồm hai thứ: vừa là thế tục, vừa là thắng nghĩa. Nếu cho rằng hai giới ở vào thời gian đập vỡ, phân tích vật thể, vì tướng giới không bỏ, nên chỉ thắng nghĩa, không phải như uẩn, xứ, là nhóm, là môn. Ngay khi đập vỡ, phân tích vật thể, bỏ nghĩa môn nhóm, thế thì khổ đế, so sánh lẽ ra cũng thế, vì khi đập vỡ, phân tích vật thể, vẫn không bỏ tướng chúng.

Lại, Thượng tọa bộ kia tự nói về tướng của hai đế: Nếu lập ra nhiều vật là có, gọi là thế tục, chỉ lập đối với một vật là có, gọi là Thắng nghĩa. Lại, phân biệt tế khi pháp đã được gọi, ấy là mất tên gốc, gọi là thế tục. Nếu phân biệt tế khi pháp đã được gọi, không mất đi tên gốc, thì gọi là thắng nghĩa.

Đối với thuyết đã nói kia, Vả lại căn cứ ở môn đầu, hai giới pháp xúc, nên thành giả có, vì không phải chỉ thiết lập là có đối với một vật thể. Do đó, kia nên nói như thế này: Chỉ đối với nhiều vật, nêu đặt là có, gọi là thế tục, cũng đối với một vật, thiết lập là có, gọi là Thắng nghĩa.

Như thế, có thể nói hai giới có thật, bền với thuyết khổ đế là nghĩa thế tục, trái với không phải chỉ đối với nhiều vật lập là có. Vì sao? Vì đối với nhiều vật, một vật đều lập có, như vì giới, pháp, xúc, nên căn cứ môn thứ hai cũng trái với thuyết kia. Khổ đế đều là nghĩa có của thế tục, nghĩa là khi phân biệt tế tự thể của khổ đế, không mất tên gốc, như giới pháp xúc, nên biết Thượng tọa bộ ở trong nghĩa đế, đã nói, đã viết nói, không xem trước, sau. Các đệ tử của Thượng tọa bộ đã phủi sau, quên trước, xem xét lại văn trước, văn sau thấy sai lầm! Vì pháp được lập (luận cứ) này trước, sau trái nhau, lẽ ra phải so sánh, tìm kiếm, gạn hỏi tập đế, đạo đế.

Lại, thuyết kia nói: Chỉ có tự thể của diệt đế, vì không thể nói, nên đồng với các vô ký, không thể nói có. Về lý cũng không đúng.

Đã thế, lẽ ra thành thế tục hữu, nghĩa là như Phật nói: Sau Như Lai diệt độ là có hay không.

Mạng và thân là một, là khác v.v... các việc vô ký tất cả đều thuộc về thế tục có do Như Lai v.v.... và các pháp như sắc v.v.... chẳng phải tức chẳng phải lìa là thế tục hữu Diệt đế đã đồng với pháp sắc kia, nên thuộc về thế tục hữu, nghĩa là như bình v.v... và các vật thể như sắc v.v... không phải tức, không phải lìa, là có của thế tục.

Lại nói: Căn cứ uẩn lập ra hữu tình. Thừa nhận các hữu tình vì có thế tục, biết Như Lai bình đẳng thuộc về có của thế tục. diệt đế lẽ ra cũng thế vì đều không thể ghi nhận. Nhưng không thể cho rằng lý Niết-bàn tục có, phi tục có, như ở trước đã nói.

Thế nên, không thể nhất định nói Niết-bàn đồng với sự vô ký, với thể không thật có thật, mà quyết định lẽ ra phải thừa nhận là thuộc về Thắng nghĩa đế.

Nếu như vậy, vì sao Tôn giả Xá-lợi-tử không vì Tôn giả Khánh Hỷ ghi nhận rõ ràng?

Há không là văn sau cũng ghi nhận rõ ràng, cho đến có sáu xứ, có thể có các hí luận. Sáu xứ đã diệt, là dứt bật các hí luận.

Đức Bạc-già-phạm nói: Diệt này là Niết-bàn. Do đó chứng biết lìa các hí luận, chắc chắn có riêng diệt không có hí luận.

Tuy nhiên, Khánh Hỷ kia không hỏi rằng: Xứ sáu xúc diệt là có hay không, và cũng không đáp nghĩa là có, hay không chỉ hỏi thế này: Diệt và sáu xứ là có khác, hay không khác? Thế nên, đáp: Đây không có hí luận. Nếu cho rằng thể của diệt giả, thật đều không, thì chẳng lẽ không nhất định, nên đáp: Không khác. Vì sao? Vì cuối cùng không có. Vì căn cứ lý, đều nên nói như thế không có phần ít pháp rốt ráo, không

có, thì chẳng thể nhất định nói có khác, không khác, cũng khác, cũng không khác, và không thật có khác, không phải không khác, mà nên nói: Việc này chắc chắn không có khác. Nhưng Xá-lợi-tử không nói như thế, nên biết diệt kia không phải rốt ráo không có, cũng không thể nói là thế tục có, vì không có đối tượng nương tựa, nên như trước đã nói, nên biết diệt để chỉ Thắng nghĩa có, lia hai đế, trong các Thánh giáo, không chấp nhận nói cái có thứ ba.

Nếu vậy, vì sao nói là không thể biện luận. Về lý, chỉ nên nói đây là nhất định có khác, cũng không có lỗi. Nói: Không thể biện luận để chỉ rõ không nên tìm kiếm, gạn hỏi nghĩa, tức pháp này có nghĩa khác đã thành rõ ràng, không nên ở trong đó, lại gạn hỏi nữa. Vì sáu xứ xúc có các hí luận, sáu xứ dứt hẳn các hí luận. Đấng Bạc-già-phạm nói: Đây là nghĩa Niết-bàn, tức đã chứng tỏ thành có diệt để riêng.

Lại, Khế kinh nói giới diệt là có. Do việc như vậy v.v..., vì thế không nên hỏi lại. Hoặc chứng tỏ, vì Khánh hỷ đặt ra câu hỏi không có đầu mối. Dùng lời nói này để ngăn dứt câu hỏi của Khánh Hỷ kia, nghĩa là các đệ tử quy y theo Đức Thế Tôn, tinh tấn, siêng năng tu các phạm hạnh trong thời gian dài, rốt ráo chỉ vì chứng đắc Niết-bàn, không nên nay, lại nghi vấn. Hoặc Khánh Hỷ kia tâm tư thế này: Sáu xứ đã không có, diệt dựa vào đâu mà lập? Nếu có sáu xứ, thì nghĩa diệt lẽ ra không có, nên nhờ lời nói ấy để bày tỏ việc khó này.

Do đó, nên đáp: “Vấn đề này không thể bàn luận”, vì trong Niết-bàn, dứt hẳn hí luận. Hoặc lẽ ra là phương tiện câu riêng kinh này. Nói không thể bàn luận tức có ý nghĩa, về lý, tất nhiên không thể nhất định chấp Niết-bàn tự thể là không, đồng với sự vô ký. Do đó, chúng ta đối với lời nói của Thượng tọa bộ, nhất định không tin, dựa vào để sanh lỗi lầm. Thượng tọa bộ kia phải thừa nhận Niết-bàn tịch diệt, thuận theo một đế trong hai đế, nhưng tông của ta nói bốn đế đều thắng nghĩa. Các thế tục đế căn cứ lý thắng nghĩa, tự thể của thế tục là có, là không. Nếu nói là có, để lẽ ra chỉ một, nếu nói là không, để lẽ ra không có điều này nên quyết định nói là có, vì Tôn giả Thế hữu nói: Ngôn không có đảo, chỉ rõ danh, nghĩa là thế tục đế, danh này làm rõ nghĩa là Thắng nghĩa đế, danh là vật thật, như trước đã nói.

Há không là đã nói đế, nên chỉ một? Về lý thật sự lẽ ra như thế. Vì sao? Vì không phải Thắng nghĩa không, có thể gọi là đế. Đã thế thì sao lập hai đế?

Tức trong Thắng nghĩa, căn cứ một ít lý riêng, lập làm thế tục, không phải do thể khác. Sở dĩ như thế, vì danh là chỗ dựa của nói vì tùy

theo tánh truyền khắp tình thế tục, căn cứ vào nghĩa như đây, nên nói thế này: Các thế tục này, tất nhiên là Thắng nghĩa. Có Thắng nghĩa này mà không phải thế tục, nghĩa là chỉ trừ danh còn lại là nghĩa thật có, tức dựa vào thắng nghĩa trong nghĩa có ấy. Căn cứ phần ít, về lý, gọi là thế tục đế. Căn cứ một ít lý riêng, gọi là thắng nghĩa đế, nghĩa là không có phân biệt tướng chung đã nhận lấy. Tướng nhất hợp, về lý gọi là thế tục đế. Nếu có phân biệt tướng riêng đã nhận lấy, thì hoặc loại, hoặc vật, gọi thắng nghĩa đế. Như ở trong một thể sự hữu lậu nhận lấy nghĩa quả, thì gọi là khổ đế, nhận lấy nghĩa Nhân, thì gọi là tập đế. Hoặc như một thể pháp tâm, tâm sở, có đủ tánh sáu nhân và bốn duyên, nhưng căn cứ nghĩa này, gọi là nhân Tướng ứng, không phải do đó gọi là câu hữu v.v...

Do lý như thế, đối với thuyết mà đấng Đại Tiên đã nói, không có trái bở trong đế, như nói: Một đế, không còn có đế thứ hai. Các loại sinh vượt hơn ở trong đó không có tranh cãi. Có, là khác với loại đế, vì thường hiện rõ. Ta nhất định nói người kia không phải Sa-môn chân thật. Nghĩa là có các ngoại đạo ở thế gian, học cùng cực các luận, kiến vẫn chưa quyết định đến trong Phật pháp, nghe nói hai đế, cho cũng không nhất định, lại còn sinh nghi gấp bội. Đức Thế Tôn vì khiến cho được hiểu một cách quyết định, xót thương vì nói một đế bình đẳng. Lời nói một đế này, chỉ rõ chung nghĩa đế Thánh giáo đã nói, không có lời nói thứ hai là quyết định xem xét lại, chứng tỏ đế chỉ một.

Sao nói là một đế? Nên kể lại nói: Nghĩa là các loại sinh vượt hơn, ở trong đó không có sự tranh cãi. Nói “sinh vượt hơn” là biểu thị hữu tình của pháp nội đã thấy dấu vết đế. Nói ở trong đó, nghĩa là chỉ rõ Thắng nghĩa đế, tức bốn Thánh đế. Hữu tình kia đối với tất cả đế này không có nghi. Do đó, nên nói ở trong đó không có tranh cãi. Đây là khéo thuận với Hiệp Tôn giả nói: Chỉ trong Thánh giáo mới có khổ Thánh đế, giáo khác không có, cho đến nói rộng. Đức Thế Tôn cũng nói: Chỉ có một đạo, không còn có đạo khác có thể được thanh tịnh.

Lại nói: Rốt ráo chỉ một không có khác nhưng các thế tục dựa vào lý thắng nghĩa? Có tự thể của thế tục cũng không có tranh cãi, vì người kiến đế, đối với phương cõi các thế gian, ngôn từ không chấp chặt, nghĩa là người kiến đế kia đã thấu đạt các danh như thế, thuận theo ý thế tục, giả lập chuyển biến thuộc về một phần thủ uẩn, trong đó đâu có gì tranh cãi?! Nói “có là khác với đế, thường hiện bày rõ. Nói có, là chỉ rõ có các ngoại đạo. Tiếng “cho” là chỉ rõ vọng tâm của họ, nghĩa là vì ngoại đạo kia đã chấp tướng đế có trái, mà giả dối cho rằng

vì ta lập đế này. Nói thường tự biểu thị là thuộc về Thắng nghĩa., Tiếng “khác với đế” chỉ rõ trái với nghĩa đế, nghĩa là nghĩa của các Thánh đế, không trái với khổ. Vô thường chân thật chẳng phải không là vô thường diệt. Chân tịch tĩnh chẳng phải không tịch tĩnh. Đế mà ngoại đạo kia đã lập, trái với đây, vì trái với nghĩa đế, nên nói khác với đế.

Vì biểu thị nghĩa nhân, lại nói tiếng “vì”, nghĩa là chỉ trong Phật pháp, mới có Thánh đế chân thật. Vì chúng nói khác với đế, nên biết là ngoại đạo, vì nói trái với nghĩa Thánh đế, nên không phải Sa-môn Chân thật, chắc chắn là thuộc về ngoại đạo.

Do đó, văn sau lại nói: Ta nhất định nói ngoại đạo kia không phải là Sa-môn chân thật. Vì chúng nói khác với chân Thánh đế, nên là ngoại đạo, không phải Sa-môn chân thật. Như nói: Bí-sô! Có các người bỏ khổ đế mà ta đã nói, lập khổ đế riêng. Khổ đế này chỉ có lời nói, cho đến nói rộng. Nói “biểu thị” là chỉ cho các ngoại đạo, giữ làm chấp của mình, tuyên bày tùy thích trao cho người khác, dùng văn từ giả dối, nhằm tăng ích nghĩa thật. Nói “thường” vì biểu thị thường khởi đầu mỗi khác lạ, ban phát riêng lẻ, tuyên nói đế lý mà họ đã chấp. Điều này chứng tỏ, ngoại đạo chưa chứng thắng nghĩa, vì lời lẽ họ nói không quyết định. Do đó nên nói họ không phải Sa-môn chân thật. Vì thế, Đức Phật là tiếng gầm sư tử chân chánh trong chúng. Luận người khác không có Phạm chí, Sa-môn.

Thông thường đã tự xưng trống rỗng, không có nghĩa thật, vì thế tục đế, cũng thuộc thắng nghĩa, không trái với một đế mà Đại sư đã nói, do nghĩa này vì Bà-la-môn. Nói Bà-la-môn chân thật, tất nhiên có đủ ba đế.

Nói không sát hại tất cả hữu tình, là đế không phải giả dối, gọi đế đệ nhất. Nói các pháp tập, đều là pháp diệt. Đế này không phải giả dối gọi là đế thứ hai. Nói ngã, ngã sở, không có ở vật nào? Là đế không phải giả dối, gọi là đế thứ ba. Do các Bà-la-môn của thời đại trước, nói là người tu hành chân thật có ba thứ đế.

Nói vâng mạng, thờ cúng, lễ sát sinh làm pháp, là đế không phải giả dối, gọi là đế thứ nhất. Nói đã làm tác, đều được quả thưởng, là đế, không phải giả dối, gọi là đế thứ hai.

Nói thân v.v... của mình thuộc trời tự tại, là đế không phải giả dối, gọi đế thứ ba. Nghĩa là các Bà-la-môn của thời đại ở trước, lập ra ba thứ này, lừa dối người cầu giải thoát, dựa vào ba thứ này thực hành, rốt không, không đạt được gì.

Đức Phật vì ngăn dứt ngoại đạo kia, như thứ lớp nói ba. Do các

thế gian mê mờ, không thể lựa chọn phân biệt các thuyết kia là phải hay trái, tin Minh luận Bà-la-môn đã truyền, cho rằng ba thứ này là đế, không phải giả dối, rồi bị che lấp, chấp chặt tu hành đều đọa vào đường ác. Đức Thế Tôn thương xót, mà chê trách những lời nói của họ là giả dối tự khen là mình đã lập ba thứ, gọi là đế.

Nay, xét rõ ba đế, nên biết:

Khởi đạo gia hạnh trước của ba môn giải thoát. Nghĩa là thứ nhất: Không duyên hữu tình.

Thứ hai là vô nguyên duyên khởi tận.

Thứ ba là vô tướng, duyên với tướng không. Vì ở vật nào gọi là tướng.

Hoặc tức là khởi ba môn giải thoát. Hoặc biểu thị gia hạnh địa Hữu học, Vô học.

Có thuyết nói: Ba thứ này vì biểu thị ba uẩn.

Ba đế như thế, tùy theo đối tượng thích ứng với ba môn giải thoát kia, thuộc về ba Thánh đế. Do đó, nhất định biết thuộc về thánh nghĩa của ba đế như thế.

Nói Thánh đế: để phân biệt với đế khác, nên nói là lời bậc Thánh, nghĩa là tự tướng của tất cả pháp không phải giả dối, cũng được gọi là đế. Tuy nhiên, trở thành tánh Thánh, không do biết rõ cảnh tự tướng của duyên kia, có trí sinh, vì không có năng lực có thể khiến nhập Kiến đạo, mà đối với tự tướng của pháp được khéo léo rồi, có riêng đối tượng giác, mới thành tánh Thánh. Đế của đối tượng giác này là các bậc Thánh, đồng ý thừa nhận, nên gọi là Thánh đế. Tướng chung của các pháp, gọi là đối tượng giác này, nghĩa là vì biết rõ tướng khổ v.v... của thủ uẩn, biết rõ tướng nhân v.v... của pháp năng sinh, giác biết tướng diệt, tịch diệt v.v... của nhân, biết rõ tướng đạo phương tiện diệt v.v... nên mới được thành Thánh, pháp khác thì không đúng. Không thể nói, vì trị năm bộ, nên Thánh đế, đối tượng giác, lẽ ra có năm thứ, tức do tu tập duyên đạo bốn đế, vì trị Tu đạo đoạn khi tăng dần.

Tự thể chung của bốn Thánh đế này thế nào?

Tất cả hữu vi và các trạch diệt, vì là cảnh làm phiền não đạo Thánh này, nên tánh nhân, quả nhiễm, tịnh có sai khác. Vì không, phi trạch diệt có tự thể, vì cảnh của chánh kiến, nên cũng là thuộc về đế, nhưng vì không phải cảnh làm phiền não Thánh đạo, nên cũng không phải tánh nhân quả nhiễm tịnh, cũng không phải cảnh của đối tượng hành ưa chán, không phải giác ngộ kia được thành Thánh, nên không dự vào Thánh đế trong đây.

Vì sao phiền não không duyên hai pháp kia sinh?

Vì hai pháp không, phi trạch diệt kia, là vô lậu, nên không thể trái bỏ pháp hữu lậu, nghĩa là ái chỉ duyên hữu lậu làm cảnh, vì ưa thích pháp vô lậu, trái với các hữu, nên không gọi ái là dục của pháp thiện. Nếu cảnh rất có công năng thuận sinh tham ái thì cảnh này khắp là sở duyên của phiền não. Do ái sở duyên bèn đối với diệt kia và đạo diệt không muốn nghi ngờ, chê bai, không phi trạch diệt, trái với điều này, nên nhất định không phải là cảnh giới phiền não.

Há không là các luận sư phái Thí dụ v.v... đối với hai pháp này duyên phiền não kia cũng sinh không muốn ngờ vực, chê bai, sao lại nói duyên với các phiền não kia không sinh? Không phải duyên với chúng sinh vô trí, nghi, kiến, chướng ngại chướng diệt khổ và đạo diệt khổ. Như duyên khổ v.v... thành tánh nhiễm ô, như A-la-hán đối với đường đi v.v..., cũng có vô trí, nghi, chê bai hiện hành.

Há có thể nói bị phiền não làm nhiễm ô? Thế nên, đều là tánh không nhiễm ô.

Do đó, mà nói không duyên với phiền não kia.

Có thuyết nói: Chẳng phải chê bai Không, phi trạch diệt, chỉ thuyết tên của nó mà không duyên theo thể của nó. Hai pháp này chỉ là cảnh giới tục trí, thiện đối với đế khổ v.v... đâu không cũng như thế, thế nên biết thuyết trước không có lỗi.

